

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS-ST
Ngày: 26 - 5 -2020
V/v: đòi tài sản phát sinh từ
Hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ Tòa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng
2. Bà Nguyễn Thị Rạt

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 605/2019/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 giữa:

1. Ng đơn:

- 1.1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1947
- 1.2. Bà Lê Thị Ng, sinh năm sinh năm 1944

Cùng địa chỉ: Ấp NH1, xã ĐHT, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- 1.3. Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1996
- 1.4. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh 1989
- 1.5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Ấp RS, xã MHB, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Là những người thừa kế quyền khởi kiện của bà Nguyễn Hồng Ng, sinh năm 1966 chết ngày 22/7/2016.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, bà Ng, anh Đ và anh L là ông Nguyễn Văn H theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2019 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị G, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HH, xã Đức Hòa Th, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 8 năm 2019, trong những lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa Ng đơn ông Nguyễn Văn H thừa kế quyền khởi kiện bà Nguyễn Hồng Ng và ông H đại diện cho những người thừa kế khác là ông Đ, ông L, ông Th và bà Ng trình bày:

Bà Nguyễn Hồng Ng sinh năm 1966 chết ngày 22/7/2016 có chồng là ông (Nguyễn Văn H) có hai người con tên Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Hữu L, mẹ bà Ng là bà Lê Thị Ng và ông Nguyễn Văn Th. Lúc còn sống bà Ng có làm thảo hụi còn bà Trần Thị G là hụi viên, bà G có tham gia các dây hụi như sau:

1/Hụi khui ngày 10/10/2015, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà G tham gia 01 phần đã đóng được 06 kỳ hụi sống với số tiền từng kỳ cụ thể là: kỳ 1: 3.500.000 đồng; kỳ 2: 3.490.000 đồng; kỳ 3: 3.500.000 đồng; kỳ 4: 3.440.000 đồng; kỳ 5: 3.420.000 đồng; kỳ 6: 4.050.000 đồng; kỳ 7: hốt với số tiền 74.300.000 đồng; kỳ 8: đóng 5.000.000 đồng; kỳ 9: đóng 5.000.000 đồng; kỳ 10: đóng 5.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền hụi bà G đã đóng và bà G đã nhận (74.300.000 đồng – 36.400.000 đồng = 37.900.000 đồng). Nên bà G còn thiếu là 37.900.000 đồng.

2/Hụi khui ngày 10/12/2015, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 19 phần, bà G tham gia 01 phần đã đóng được 06 kỳ hụi sống với số tiền từng kỳ cụ thể là: kỳ 1: 3.500.000 đồng; kỳ 2: 3.440.000 đồng; kỳ 3: 3.800.000 đồng; kỳ 4: 3.750.000 đồng; kỳ 5: 3.700.000 đồng; kỳ 6: 3.980.000 đồng; kỳ 7: hốt với số tiền là 73.700.000 đồng; kỳ 8: đóng 5.000.000 đồng. Khấu trừ tiền hụi hốt vào tiền bà G đã đóng (73.700.000 đồng – 27.170.000 đồng = 46.530.000 đồng). Bà G còn thiếu 46.530.000 đồng.

3/ Hụi khui 10/3/2016, dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, bà G tham gia 02 phần đã đóng được 01 kỳ với số tiền là: kỳ 1: 7.200.000 đồng; kỳ 2: bà G hốt một phần số tiền là 55.000.000 đồng; kỳ 3: 8.750.000 đồng; kỳ 4: 8.470.000 đồng; kỳ 5: 8.900.000 đồng. Khấu trừ số tiền đã đóng vào số tiền đã hốt (55.000.000 đồng – 33.320.000 đồng = 21.680.000 đồng). Bà G còn thiếu là 21.680.000 đồng.

4/ Hụi khui ngày 10/01/2015, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 23 phần, bà tham gia 02 phần đã đóng được số tiền từng kỳ: kỳ 1: 7.000.000 đồng; kỳ 2: 6.680.000 đồng; kỳ 3: 7.360.000 đồng; kỳ 4: 7.000.000 đồng; kỳ 5: 7.000.000 đồng; kỳ 6: 7.100.000 đồng; kỳ 7: hốt 79.000.000 đồng; kỳ 8: 8.640.000 đồng; kỳ 9: đóng 8.550.000 đồng; kỳ 10: 8.370.000 đồng; kỳ 11: 8.300.000 đồng; kỳ 12: 8.400.000 đồng; kỳ 13: 8.600.000 đồng; kỳ 14: 8.900.000 đồng; kỳ 15:

8.850.000 đồng; kỳ 16: 8.800.000 đồng; kỳ 17: hót 91.300.000 đồng; kỳ 18: 10.000.000 đồng; kỳ 19: 10.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền bà G đã đóng vào số tiền bà G đóng (170.000.000đ – 146.550.000đ = 23.750.000đ) thì bà G còn thiếu là 23.750.000 đồng.

5/ Hui khai ngày 10/3/2015, hui 2.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, bà G tham gia 02 phần đã đóng được: kỳ 1: 2.900.000 đồng; kỳ 2: 3.360.000 đồng; kỳ 3: 2.900.000 đồng; kỳ 4: 2.900.000 đồng; kỳ 5: 2.900.000 đồng; kỳ 6: 2.900.000 đồng; kỳ 7: hót một phần số tiền là 32.750.000 đồng; kỳ 8: 3.680.000đồng; kỳ 9: 3.620.000 đồng; kỳ 10: 3.450.000 đồng; kỳ 11: 3.450.000 đồng; kỳ 12: 3.620.000 đồng; kỳ 13: 3.580.000 đồng; kỳ 14: 3.650.000 đồng; kỳ 15: hót 37.500.000 đồng; kỳ 16: 4.000.000 đồng; kỳ 17: 4.000.000đồng. Khấu trừ số tiền hót vào tiền đóng thì bà G còn thiếu (70.250.000 đồng – 50.910.000 đồng = 19.340.000 đồng). Như vậy bà G còn thiếu là 19.340.000 đồng.

6/ Hui khai ngày 10/5/2015 hui 2.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, bà G tham gia 04 phần đã đóng được từng kỳ cụ thể là: kỳ 1: đóng 5.800.000 đồng; kỳ 2: 25.650.000 đồng; kỳ 3: 6.350.000 đồng; kỳ 4: 6.350.000 đồng; kỳ 5: 6.350.000 đồng; kỳ 6: 30.750.000 đồng; kỳ 7: 6.900.000 đồng; kỳ 8: hót 31.850.000 đồng; kỳ 9: 7.450.000 đồng; kỳ 10: 7.450.000 đồng; kỳ 11: 7.550.000 đồng; kỳ 12: 7.650.000 đồng; kỳ 13: 7.500.000 đồng; kỳ 14: 7.680.000 đồng; kỳ 15 đóng 7.630.000 đồng. Khấu trừ tiền bà G đóng vào số tiền bà G hót (88.250.000 đồng – 84.660.000 đồng = 3.590.000 đồng). Như vậy bà G còn thiếu là 3.590.000 đồng.

7/.Hui khai ngày 10/06/2015, hui 1.000.000 đồng/tháng, gồm 26 phần, đóng ngày 15 hàng tháng, bà G tham gia 03 phần đã đóng được 11 kỳ hui sống số tiền từng kỳ cụ thể: kỳ 1: 1.400.000 đồng; kỳ 2: 1.400.000 đồng; kỳ 3: 1.400.000 đồng; kỳ 4: 1.400.000 đồng; kỳ 5: 1.400.000 đồng; kỳ 6: 1.400.000 đồng; kỳ 7: 1.400.000 đồng; kỳ 8: 1.500.000 đồng; kỳ 9: 1.660.000 đồng; kỳ 10:1.640.000 đồng; kỳ 11: 1.680.000 đồng; kỳ 12: hót 31.500.000 đồng; kỳ 13: 22.355.000 đồng; kỳ 14: 2.000.000 đồng. Khấu trừ hui hót vào hui đóng (31.500.000 + 22.355.000 -18.280.000 = 35.575.000 đồng). Như vậy bà G còn thiếu 35.575.000 đồng.

8/Hui khai ngày 10/01/2016 đây hui 2.000.000 đồng/tháng, gồm 17 phần, bà tham gia 02 phần đã đóng được 07 kỳ số tiền từng kỳ cụ thể là: kỳ 1: 2.900.000 đồng; kỳ 2: 3.100.000 đồng; kỳ 3: 3.360.000 đồng; kỳ 4: 2.900.000 đồng; kỳ 5: 3.000.000 đồng; kỳ 6: 3.180.000 đồng; kỳ 7: 3.200.000 đồng, với số tiền là 21.640.000 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

9/.Hui khai ngày 10/12/2015, đây hui 1.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, bà tham gia 04 phần đã đóng được 08 kỳ số tiền từng kỳ cụ thể: kỳ 1: 1.400.000 đồng; kỳ 2: 1.500.000 đồng; kỳ 3: 1.680.000 đồng; kỳ 4: 1.500.000 đồng; kỳ 5:

1.600.000 đồng; kỳ 6: 1.400.000 đồng; kỳ 7: 1.680.000 đồng; kỳ 8: hốt một phần với số tiền là 17.290.000 đồng. Khấu trừ tiền hốt vào tiền đóng bà G còn thiếu $17.290.000 - 9.000.000$ đồng = 8.210.000 đồng. Bà G còn thiếu là 8.210.000 đồng.

10/. Hui khui ngày 10/03/2016, hui 1.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà tham gia 02 phần đã đóng được 05 kỳ số tiền từng kỳ cụ thể: kỳ 1: 1.500.000 đồng; kỳ 2: 1.500.000 đồng; kỳ 3: 1.500.000 đồng; kỳ 4: 1.680.000 đồng; kỳ 5: 1.620.000 đồng, với số tiền là **7.800.000** đồng (Bảy triệu tám trăm ngàn đồng).

11/. Hui khui ngày 10/04/2016, hui 2.000.000 đồng/tháng, gồm 18 phần, bà tham gia 01 phần đã đóng được 04 kỳ số tiền đóng từng kỳ là: kỳ 1: 1.500.000 đồng; kỳ 2: 1.690.000 đồng; kỳ 3: 1.700.000 đồng; kỳ 4: 1.640.000 đồng, với số tiền là **6.530.000** đồng (Sáu triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng).

Như vậy khấu trừ hui sống vào số tiền bà G nhận thì bà G thiếu (196.575.000 đồng – 35.970.000 đồng = 160.605.000 đồng). Do đó ông chỉ yêu cầu bà G trả là 160.605.000 đồng. Theo đơn khởi kiện ông có kiện bà G là 291.900.000 đồng. Nay ông xin rút lại yêu cầu đối với số tiền 131.295.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị G: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt tất cả các văn bản tố tụng nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm Phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã tiến hành làm việc đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ng đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án: “*Đòi tài sản phát sinh từ Hợp đồng góp hui*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Các ông bà Th, H, Ngợi, Đ và Lộc là những người thừa kế quyền đòi tài sản của bà Nguyễn Hồng Ng là phù hợp Điều 374 Bộ luật dân sự năm 2015. Các ông bà (Ng đơn) cho rằng bà Trần Thị G xâm phạm quyền lợi của các ông bà nên các ông bà có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 BLTTDS. Bà Trần Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà G.

[2] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Nguyễn Văn H tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong năm 2015, bà Trần Thị G

có tham gia Hợp đồng góp hụi với bà Nguyễn Hồng Ng (vợ ông H) đã chết ngày 22/7/2016 do bà Ng làm thảo hụi. Sau khi bà Ng chết giữa ông H và bà G không có ngôi lại chốt hụi. Do bà Ng đột ngột chết làm cho các hợp đồng góp hụi phải chấm dứt nên các đương sự tức là những người thừa kế của bà Ng và bà G phải trả cho nhau những gì đã nhận. Đối chiếu vào sổ hụi bản chính do bà Ng chết để lại thì có căn cứ xác định bà G có tham gia các hợp đồng góp hụi do bà Ng làm thảo gồm các dây hụi như:

[2.1]. Hụi khai ngày 10/10/2015, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà G tham gia 01 phần. Khấu trừ số tiền hụi bà G đã đóng và bà G đã nhận (74.300.000 đồng – 36.400.000 đồng = 37.900.000 đồng). Nên bà G còn thiếu là 37.900.000 đồng.

[2.2]. Hụi khai ngày 10/12/2015, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 19 phần, bà G tham gia 01 phần. Khấu trừ tiền hụi hót vào tiền bà G đã đóng (73.700.000 đồng – 27.170.000 đồng = 46.530.000 đồng). Bà G còn thiếu 46.530.000 đồng.

[2.3]. Hụi khai 10/3/2016, dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, bà G tham gia 02 phần. Khấu trừ số tiền đã đóng vào số tiền đã hót (55.000.000 đồng – 33.320.000 đồng = 21.680.000 đồng). Bà G còn thiếu là 21.680.000 đồng.

[2.4]. Hụi khai ngày 10/01/2015, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 23 phần, bà tham gia 02 phần. Khấu trừ số tiền bà G đã đóng vào số tiền bà G đóng (170.000.000đ – 146.550.000đ = 23.750.000đ) thì bà G còn thiếu là 23.750.000 đồng.

[2.5]. Hụi khai ngày 10/3/2015, hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, bà G tham gia 02 phần. Khấu trừ số tiền hót vào tiền đóng thì bà G còn thiếu (70.250.000 đồng – 50.910.000 đồng = 19.340.000 đồng). Như vậy bà G còn thiếu là 19.340.000 đồng.

[2.6]. Hụi khai ngày 10/5/2015 hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, bà G tham gia 04 phần. Khấu trừ tiền bà G đóng vào số tiền bà G hót (88.250.000 đồng – 84.660.000 đồng = 3.590.000 đồng). Như vậy bà G còn thiếu là 3.590.000 đồng.

[2.7]. Hụi khai ngày 10/06/2015, hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 26 phần, đóng ngày 15 hàng tháng, bà G tham gia 03 phần. Khấu trừ hụi hót vào hụi đóng (31.500.000 + 22.355.000 -18.280.000 = 35.575.000 đồng). Như vậy bà G còn thiếu 35.575.000 đồng.

[2.8]. Hụi khai ngày 10/01/2016 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 17 phần, bà tham gia 02 phần đã đóng được 07 kỳ số tiền từng kỳ cụ thể là: kỳ 1: 2.900.000 đồng; kỳ 2: 3.100.000 đồng; kỳ 3: 3.360.000 đồng; kỳ 4: 2.900.000 đồng; kỳ 5: 3.000.000 đồng; kỳ 6: 3.180.000 đồng; kỳ 7: 3.200.000 đồng, với số tiền là 21.640.000 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

[2.9]. Hụi khui ngày 10/12/2015, dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, bà tham gia 04 phần. Khấu trừ tiền hốt vào tiền đóng bà G còn thiếu 17.290.000 – 9.000.000 đồng = 8.210.000 đồng. Bà G còn thiếu là 8.210.000 đồng.

[2.10]. Hụi khui ngày 10/03/2016, hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà tham gia 02 phần đã đóng được 05 kỳ số tiền từng kỳ cụ thể: kỳ 1: 1.500.000 đồng; kỳ 2: 1.500.000 đồng; kỳ 3: 1.500.000 đồng; kỳ 4: 1.680.000 đồng; kỳ 5: 1.620.000 đồng, với số tiền là **7.800.000** đồng (Bảy triệu tám trăm ngàn đồng).

[2.11]. Hụi khui ngày 10/04/2016, hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 18 phần, bà tham gia 01 phần đã đóng được 04 kỳ số tiền đóng từng kỳ là: kỳ 1: 1.500.000 đồng; kỳ 2: 1.690.000 đồng; kỳ 3: 1.700.000 đồng; kỳ 4: 1.640.000 đồng, với số tiền là **6.530.000** đồng (Sáu triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng).

Từ phân tích [2.1]; [2.2]; [2.3]; [2.3]; [2.4]; [2.5]; [2.6]; [2.7]; [2.8]; [2.9]; [2.10] và [2.11] thì bà G thiếu những người thừa kế của bà Ng (196.575.000 đồng – 35.970.000 đồng = 160.605.000 đồng) nên yêu cầu khởi kiện các Ng đơn là có căn cứ là phù hợp với Điều 374 Bộ luật dân sự 2015 và phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 131.295.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên cần đình chỉ việc giai quyết vụ án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Bà G phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn Điều 35, Điều 184, Điều 186, Điều 271, điểm c khoản 1 Điều 271, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 471 và Điều 374, Điều 611, Điều 613, Điều 651, Điều 382 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Nguyễn Văn Thái, Lê Thị Ngợi, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu Lộc về việc “Đòi tài sản phát sinh từ hợp đồng góp hụi ” với bà Trần Thị G.

Buộc bà Trần Thị G phải trả cho ông (bà) Nguyễn Văn Th, Lê Thị Ng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L trả 160.605.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu sáu trăm lẻ năm ngàn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các Ng đơn Nguyễn Văn Th, Lê Thị Ng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L về việc “Đòi tài sản phát sinh từ hợp đồng góp hụi ” với bà Trần Thị G đối với số tiền 131.295.000 đồng (Một trăm ba mươi một triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng) .

3/Về án phí: Buộc bà Trần Thị G phải nộp 8.030.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho các ông (bà) Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu Lộc 7.298.000 đồng theo biên lai số 3907 ngày 27/11/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực H theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THA huyện Đức Hòa;
- Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy